TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2023/QĐST-DS	*Cần Giuộc, ngày 26 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân;

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Minh Lý;

2. Ông Nguyễn Minh Chí;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc Hòa-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 219, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 294/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn:

- Bà Phan Thị H, sinh năm: 1957, cư trú: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Phan Thị N, sinh năm: 1959, cư trú: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà N: Ông Huỳnh Quốc H1, sinh năm: 1979, cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 01/10/2020).

1.2. Bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm: 1967, cư trú: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị H2, sinh năm: 1968, cư trú: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Phan Thị E, sinh năm: 1962, cư trú: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- Ông Phan Văn T, sinh năm: 1965, cư trú: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm: 1965, cư trú: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An;

- Chị Phan Thị Thu T1, sinh năm:1982, cư trú: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phan Văn T, ông Phan Văn L, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị E, chị Phan Thị Thu T1, bà Phan Thị H, bà Phan Thị N thống nhất:

- Xác định ông Phan Văn Q (chết năm 2000) và bà Lê Thị K (chết năm 2010) có 07 người con là bà Phan Thị Đ (đã chết), bà Phan Thị H, bà Phan Thị N, bà Phan Thị E, ông Phan Văn T, ông Phan Văn L, bà Phan Thị H2. Ông Q, bà K chết không để lại di chúc. Bà Đ và chồng bà Đ đã chết. Vợ chồng bà Đ có một người con tên là chị Phan Thị Thu T1.

- Xác định phần diện tích 811m^2 tại khu A thuộc một phần thửa đất số 969, tờ bản đồ số 02, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 7, tờ bản đồ số 64, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, và phần diện tích 617m^2 tại khu B thuộc một phần thửa đất số 964, tờ bản đồ số 02, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 7, tờ bản đồ số 64, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An là di sản của ông Phan Văn Q và bà Lê Thị K.

Vị trí, tứ cận phần đất khu A và Khu B theo Mảnh trích đo địa chính số 120-2023 do Công ty TNHH Đ1 lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 28/4/2023.

2.2. Ông Phan Văn T, ông Phan Văn L, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị E, chị Phan Thị Thu T1, bà Phan Thị H, bà Phan Thị N thống nhất bà Phan Thị H được chia phần diện tích 811m^2 tại khu A thuộc một phần thửa đất số 969, tờ bản đồ số 02, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 7, tờ bản đồ số 64, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2.3. Ông Phan Văn T, ông Phan Văn L, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị E, chị Phan Thị Thu T1, bà Phan Thị H, bà Phan Thị N thống nhất bà Phan Thị N được chia phần diện tích 617m^2 tại khu B thuộc một phần thửa đất số 964, tờ bản đồ số 02, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 7, tờ bản đồ số 64, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Vị trí, tứ cận phần đất khu A và Khu B theo Mảnh trích đo địa chính số 120-2023 do Công ty TNHH Đ1 lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 28/4/2023.

2.4. Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2.5. Ông Phan Văn T, ông Phan Văn L, bà Phan Thị H2, bà Phan Thị E, chị Phan Thị Thu T1, bà Phan Thị H, bà Phan Thị N thống nhất để bà Phan Thị H và bà Phan Thị N được mở lối đi có diện tích là 37m^2 tại khu B1 thuộc một phần thửa đất số 964, tờ bản đồ số 02, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 7, tờ bản đồ số 64, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; do ông Phan Văn Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/12/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 896 QSDĐ/0508 LA. Bà Phan Thị H, bà Phan Thị N không đền bù giá trị đất thực tế cho việc mở lối đi.

Vị trí, tứ cận phần đất khu B1 theo Mảnh trích đo địa chính số 120-2023 do Công ty TNHH Đ1 lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 28/4/2023.

Bà Phan Thị H, bà Phan Thị N có quyền yêu cầu đăng ký biến động hạn chế quyền sử dụng đất của ông Phan Văn Q tại khu B1 (37m^2) theo quy định tại Điều 171 và Điều 95 của Luật Đất Đai.

2.6. Bà Phan Thị H trả cho ông Phan Văn L, bà Lê Thị Ngọc Y số tiền là 137.870.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.8. Bà Phan Thị N trả cho ông Phan Văn L, bà Lê Thị Ngọc Y số tiền là 104.890.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.9. Chi phí đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ là 13.200.000 đồng. Bà N, bà H, mỗi người chịu ½ chi phí, các bà đã nộp xong.

2.10. Về án phí:

Bà Phan Thị H, bà Phan Thị N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

H3 lại cho ông Phan Văn L số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0012137 ngày 24/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.